



BẢNG GIÁ VẬT TƯ LẺ TRẦN NHÔM
(Số: 03/BG-VTL26/ĐL - Áp dụng từ ngày 01/04/2026)



Hệ sản phẩm	Tên vật tư & Quy cách (mm)			ĐVT	Đơn giá (VNĐ)
TRẦN CÀI (CLIP-IN)	Tấm trần Clip-in 300x300x0.5 mm			Tấm	29,000
	Tấm trần Clip-in 300x600x0.5 mm			Tấm	54,000
	Tấm trần Clip-in 600x600x0.5 mm			Tấm	97,000
	Tấm trần Clip-in 600x600x0.6 mm			Tấm	114,000
	Tấm trần Clip-in 600x600x0.7 mm			Tấm	132,000
	Tấm trần Clip-in 600x600x0.8 mm			Tấm	150,000
	Xương tam giác 25 x 3000 mm			Thanh	36,000
	Móc nối tam giác 25			Cái	2,000
	Móc treo tam giác 25			Cái	2,000
TRẦN THẢ (LAY-IN)	Tấm trần Lay-in T-Black 600x600x0.5 mm			Tấm	95,000
	Tấm trần Lay-in T-Black 600x600x0.6 mm			Tấm	110,000
	Tấm trần Lay-in T-Black 600x600x0.7 mm			Tấm	128,000
	Tấm trần Lay-in T-Black 600x600x0.8 mm			Tấm	140,000
	Thanh xương T-Black x 3000 mm			Thanh	108,000
	Thanh xương T-Black x 600 mm			Thanh	25,000
	Móc treo xương T-Black			Cái	4,000
TRẦN C	Thanh trần C85x1000 mm	Phổ thông	0.5	Thanh	29,000
	Thanh trần C85x1000 mm	Vân gỗ		Thanh	33,000
	Thanh trần C85x1000 mm	Phổ thông	0.6	Thanh	32,000
	Thanh trần C85x1000 mm	Vân gỗ		Thanh	34,000
	Thanh trần C150x1000 mm (Phẳng)	Phổ thông	0.5	Thanh	47,000
	Thanh trần C150x1000 mm (Đột lỗ Ø1.8)			Thanh	48,000
	Thanh trần C150x1000 mm (Phẳng)		0.6	Thanh	52,000
	Thanh trần C150x1000 mm (Đột lỗ Ø1.8)			Thanh	53,000
	Thanh trần C200x1000 mm (Phẳng)			Thanh	71,000
	Thanh trần C200x1000 mm (Đột lỗ Ø1.8)			Thanh	75,000
	Thanh trần C200x1000 mm (Phẳng)		0.7	Thanh	75,000
	Thanh trần C200x1000 mm (Đột lỗ Ø1.8)			Thanh	76,000
	Thanh trần C150x1000 mm (Phẳng)	Vân gỗ	0.5	Thanh	52,000
	Thanh trần C150x1000 mm (Đột lỗ Ø1.8)			Thanh	54,000
	Thanh trần C150x1000 mm (Phẳng)		0.6	Thanh	55,000
	Thanh trần C150x1000 mm (Đột lỗ Ø1.8)			Thanh	57,000
	Thanh trần C200x1000 mm (Phẳng)			Thanh	75,000
	Thanh trần C200x1000 mm (Đột lỗ Ø1.8)			Thanh	76,000
	Thanh trần C200x1000 mm (Phẳng)		0.7	Thanh	81,000
	Thanh trần C200x1000 mm (Đột lỗ Ø1.8)			Thanh	82,000
	Xương trần C x 3000 mm			Thanh	36,000
	Xương trần C85 x 3000 mm			Thanh	60,000
	Thanh trang trí trần C85 x 3000 mm			Thanh	58,000
	Móc treo trần C			Cái	2,000
TRẦN F40 (LAM SÓNG)	Thanh trần/lam sóng x 1000mm	Phổ thông	0.5	Thanh	68,000
	Thanh trần/lam sóng x 1000mm	Vân gỗ		Thanh	72,000
	Thanh trần/lam sóng x 1000mm	Phổ thông	0.6	Thanh	70,000
	Thanh trần/lam sóng x 1000mm	Vân gỗ		Thanh	74,000
	Thanh trần/lam sóng x 1000mm	Phổ thông	0.7	Thanh	73,000
	Thanh trần/lam sóng x 1000mm	Vân gỗ		Thanh	76,000



BẢNG GIÁ VẬT TƯ LẺ TRẦN NHÔM
(Số: 03/BG-VTL26/ĐL - Áp dụng từ ngày 01/04/2026)



Hệ sản phẩm	Tên vật tư & Quy cách (mm)			ĐVT	Đơn giá (VNĐ)
TRẦN B	Thanh trần B30x1000 mm	Phổ thông	0.5	Thanh	23,000
	Thanh trần B80x1000 mm			Thanh	37,000
	Thanh trần B30x1000 mm	Vân gỗ		Thanh	24,000
	Thanh trần B80x1000 mm			Thanh	39,000
	Thanh trần B30x1000 mm	Phổ thông	0.6	Thanh	24,000
	Thanh trần B80x1000 mm			Thanh	38,000
	Thanh trần B130x1000 mm			Thanh	52,000
	Thanh trần B180x1000 mm			Thanh	64,000
	Thanh trần B30x1000 mm	Vân gỗ		Thanh	25,000
	Thanh trần B80x1000 mm			Thanh	39,000
	Thanh trần B130x1000 mm			Thanh	56,000
	Thanh trần B180x1000 mm			Thanh	68,000
	Thanh trang trí trần B x 3000 mm (rộng 30mm, màu phổ thông) x 0.4(0.5)			Thanh	26,000
	Thanh trang trí trần B x 3000 mm (rộng 30mm, màu phổ thông) x 0.6(0.7)			Thanh	33,000
	Xương trần B x 3000 mm			Thanh	86,000
	Móc treo trần B			Thanh	2,000
TRẦN U	Thanh trần U30x50x1000 mm	Phổ thông	0.5	Thanh	38,000
	Thanh trần U30x60x1000 mm			Thanh	43,000
	Thanh trần U30x70x1000 mm			Thanh	46,000
	Thanh trần U30x80x1000 mm			Thanh	49,000
	Thanh trần U30x90x1000 mm			Thanh	53,000
	Thanh trần U30x100x1000 mm			Thanh	56,000
	Thanh trần U50x50x1000 mm			Thanh	43,000
	Thanh trần U50x100x1000 mm			Thanh	66,000
	Thanh trần U30x50x1000 mm	Vân gỗ		Thanh	41,000
	Thanh trần U30x60x1000 mm			Thanh	46,000
	Thanh trần U30x70x1000 mm			Thanh	51,000
	Thanh trần U30x80x1000 mm			Thanh	56,000
	Thanh trần U30x90x1000 mm			Thanh	61,000
	Thanh trần U30x100x1000 mm			Thanh	64,000
	Thanh trần U50x50x1000 mm			Thanh	46,000
	Thanh trần U50x100x1000 mm			Thanh	71,000
	Thanh trần U30x50x1000 mm	Phổ thông	0.6	Thanh	39,000
	Thanh trần U30x60x1000 mm			Thanh	45,000
	Thanh trần U30x70x1000 mm			Thanh	49,000
	Thanh trần U30x80x1000 mm			Thanh	53,000
	Thanh trần U30x90x1000 mm			Thanh	60,000
	Thanh trần U30x100x1000 mm			Thanh	65,000
	Thanh trần U50x50x1000 mm			Thanh	44,000
	Thanh trần U50x100x1000 mm			Thanh	68,000
	Thanh trần U30x50x1000 mm	Vân gỗ		Thanh	42,000
	Thanh trần U30x60x1000 mm			Thanh	47,000
	Thanh trần U30x70x1000 mm			Thanh	53,000
	Thanh trần U30x80x1000 mm			Thanh	57,000
	Thanh trần U30x90x1000 mm			Thanh	64,000
	Thanh trần U30x100x1000 mm			Thanh	68,000
	Thanh trần U50x50x1000 mm			Thanh	47,000
	Thanh trần U50x100x1000 mm			Thanh	73,000



BẢNG GIÁ VẬT TƯ LẺ TRẦN NHÔM

(Số: 03/BG-VTL26/ĐL - Áp dụng từ ngày 01/04/2026)



Hệ sản phẩm	Tên vật tư & Quy cách (mm)			ĐVT	Đơn giá (VNĐ)
TRẦN U	Xương trần U50 x 3000 mm, khoảng cách tim thanh 100(120,150) mm			Thanh	72,000
	Xương trần U30 x 3000 mm, khoảng cách tim thanh 80 (100) mm			Thanh	72,000
	Móc treo trần U			Thanh	2,000
	Nắp bịt trần U30 (40)	Phổ thông	0.5 (0.6) mm	Cái	2,000
	Nắp bịt trần U30 (40)	Vân gỗ	0.5 (0.6) mm	Cái	3,000
	Nắp bịt trần U50	Phổ thông	0.5 (0.6) mm	Cái	3,000
	Nắp bịt trần U50	Vân gỗ	0.5 (0.6) mm	Cái	5,000
TRẦN CARO VUÔNG & TRẦN CARO TAM GIÁC	Thanh trần Caro 50x10(15)x2000(1950) mm	Phổ thông	0.4	Thanh	44,000
	Thanh trần Caro 50x10(15)x2000(1950) mm	Vân gỗ		Thanh	47,000
	Thanh trần Caro 50x10(15)x2000(1950) mm	Phổ thông	0.5	Thanh	50,000
	Thanh trần Caro 50x10(15)x2000(1950) mm	Vân gỗ		Thanh	54,000
	Thanh trần Caro 50x10(15)x2000(1950) mm	Phổ thông	0.6	Thanh	56,000
	Thanh trần Caro 50x10(15)x2000(1950) mm	Vân gỗ		Thanh	59,000
	Móc treo trần Caro			Cái	2,000
TRẦN G	Trần G200x1000 mm (Phẳng)	Phổ thông	0.6	Thanh	67,000
	Trần G200x1000 mm (Đột lỗ Ø1.8)			Thanh	69,000
	Trần G200x1000 mm (Phẳng)	Vân gỗ		Thanh	73,000
	Trần G200x1000 mm (Đột lỗ Ø1.8)			Thanh	75,000
	Trần G200x1000 mm (Phẳng)	Phổ thông	0.7	Thanh	73,000
	Trần G200x1000 mm (Đột lỗ Ø1.8)			Thanh	75,000
	Trần G200x1000 mm (Phẳng)	Vân gỗ		Thanh	79,000
	Trần G200x1000 mm (Đột lỗ Ø1.8)			Thanh	81,000
	Xương trần G200x 3000 mm			Thanh	65,000
TRẦN NHÔM NHỰA	Quy cách: 603x603mm	Màu Phổ thông	1 mm	Tấm	42,000
			2 mm	Tấm	70,000
			3 mm	Tấm	75,000
		Vân gỗ Xước	2 mm	Tấm	77,000
			3 mm	Tấm	85,000
PHỤ KIỆN	Viên tường 0.4 (0.5)x3000 mm (màu phổ thông)			Thanh	39,000
	Viên tường 0.6 (0.7) x3000 mm (màu phổ thông)			Thanh	44,000
	Xương C38x0.5x3000 mm			Thanh	36,000
	Móc nối C38			Cái	3,000
	Móc kẹp trần nhôm nhựa			Cái	3,000
	Móc treo C38			Cái	3,000

- Màu phổ thông bao gồm: 2001 (bạc), 2002 (trắng sứ), 2017 (xám đậm), 2016 (đen)

- Màu vân gỗ bao gồm: 2021 (VG nhạt), 2025 (VG đậm), 2028 (VG đỏ), 2026 (VG thông), 2029 (VG óc chó)

Ghi chú: - Đơn giá trên đã bao gồm VAT 10%.

- Hệ trần có độ dày nhôm: ≤ 0.6 mm thì xuất viên tường dày 0.4/0.5/0.6 mm tương ứng
> 0.6 mm thì xuất viên tường dày 0.7 mm

- Đơn giá viên tường- thanh trang trí trần B màu vân gỗ cộng thêm 10% trên đơn giá viên tường- thanh trang trí trần B màu phổ thông cùng độ dày.

CÔNG TY CP NHÔM VIỆT DŨNG



Trụ sở: Tòa nhà 2D, Số 1 ngõ 43 Dịch Vọng Hậu, P. Cầu Giấy, Hà Nội

Nhà máy miền Bắc: Lô 10B và Lô 18 KCN Quang Minh, Xã Quang Minh, Hà Nội

Nhà máy miền Nam: Lô C4-7, KCN Tân Phú Trung, Xã Củ Chi, TP HCM